

**CPA HANOI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

*kèm theo*  
**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

---

*Được soát xét bởi:*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3517 1936

Fax: (08) 3517 1935

*Tháng 08 năm 2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

---

<b>MỤC LỤC</b>	<i>Trang</i>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	01 - 03
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN</b>	04 - 05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
<i>Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>	06 - 08
<i>Báo cáo thu nhập toàn diện riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>	09 - 10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>	11 - 12
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>	13
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>	14 - 44

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

### CÔNG TY

Thành lập: Giấy phép số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau này.

Vốn điều lệ: 58.619.400.000 đồng Việt Nam.

Hoạt động chính trong năm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### *Hội đồng Quản trị*

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Như Hùng	Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thọ	Thành viên
Ông Lê Đức Thắng	Thành viên

#### *Ban Tổng Giám đốc*

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp
Bà Trương Thị Minh Thọ	Giám đốc khối Kinh doanh chứng khoán
Ông Võ Thanh Hải	Giám đốc khối Công nghệ thông tin

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

##### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Vị trí
Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên
Bà Đỗ Bích Ngọc	Thành viên

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Hùng.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Quốc Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

*Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016*



**CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM**  
296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM  
Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935  
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

*Số tham chiếu: 16-2-0040/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM*

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (“Công ty”) được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016 bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 được trình bày từ trang 06 đến trang 44.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 Bản thuyết minh báo cáo tài chính về khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết trị giá 15.568.770.000 đồng vượt quá 20% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016 (vốn chủ sở hữu thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 44.312.298.700 đồng). Công ty có cam kết sẽ giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức theo quy định. Công ty chưa lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 một cách đáng tin cậy.

Ngoài ra, các khoản phải thu bán các tài sản tài chính (Thuyết minh số 10a Bản thuyết minh báo cáo tài chính) là các khoản đầu tư theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán, Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Báo cáo soát xét được lập thành 11 (mười một) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha giữ 10 (mười) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh giữ 01 (một) bản.

**Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh**



**Tô Quang Tùng – Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016*



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu kỳ</i> <i>VND</i>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>40.658.389.695</b>	<b>41.636.311.623</b>
<i>Tài sản tài chính</i>	<i>110</i>		<i>40.271.547.555</i>	<i>41.515.969.493</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	21.716.023.161	18.553.218.567
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>4.366.023.161</i>	<i>1.453.218.567</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>17.350.000.000</i>	<i>17.100.000.000</i>
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6a	19.617.799.817	19.617.799.817
Các khoản cho vay	114	9	2.175.081.338	5.258.107.435
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	8	(3.991.028.180)	(3.891.651.517)
Các khoản phải thu	117		597.934.913	1.828.092.778
<i>Phải thu bán các tài sản tài chính</i>	<i>117.1</i>	<i>10a</i>	<i>554.138.663</i>	<i>1.793.635.000</i>
<i>Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận</i>	<i>117.3</i>	<i>10b</i>	<i>43.796.250</i>	<i>34.457.778</i>
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	11	50.925.052	44.070.349
Các khoản phải thu khác	122	12	256.247.930	218.987.597
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	13	(151.436.476)	(112.655.533)
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>130</i>		<i>386.842.140</i>	<i>120.342.130</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	14	300.500.010	34.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	15	86.342.130	86.342.130
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.306.841.761</b>	<b>5.245.914.802</b>
<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>259.077.806</i>	<i>343.070.290</i>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	124.744.477	181.914.378
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>6.433.218.835</i>	<i>6.433.218.835</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(6.308.474.358)</i>	<i>(6.251.304.457)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	17	134.333.329	161.155.912
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>1.485.162.000</i>	<i>1.485.162.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229a</i>		<i>(1.350.828.671)</i>	<i>(1.324.006.088)</i>
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>250</i>		<i>5.047.763.955</i>	<i>4.902.844.512</i>
Chi phí trả trước dài hạn	252	14	36.654.622	42.881.632
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	18	3.059.838.195	3.059.838.195
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	19	1.951.271.138	1.800.124.685
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>45.965.231.456</b>	<b>46.882.226.425</b>


**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

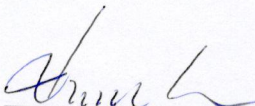
<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ</i> VND	<i>Số đầu kỳ</i> VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.652.932.756</b>	<b>1.120.972.802</b>
<i>Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>1.652.932.756</i>	<i>1.120.972.802</i>
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	20	68.206.405	-
Phải trả người bán ngắn hạn	320	21	24.000.000	363.519.097
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	22	774.750.000	279.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	23	164.554.244	130.441.101
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	24	466.857.338	203.319.629
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	2.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	25	129.572.645	116.950.851
Quỹ khen thưởng phúc lợi	331		24.992.124	24.992.124
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>44.312.298.700</b>	<b>45.761.253.623</b>
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>44.312.298.700</i>	<i>45.761.253.623</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.399.250.000	60.399.250.000
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411.1</i>	<i>26a</i>	<i>58.619.400.000</i>	<i>58.619.400.000</i>
<i>Vốn pháp định</i>	<i>411.1a</i>		<i>35.000.000.000</i>	<i>35.000.000.000</i>
<i>Vốn bổ sung</i>	<i>411.1b</i>		<i>23.619.400.000</i>	<i>23.619.400.000</i>
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>411.2</i>		<i>1.779.850.000</i>	<i>1.779.850.000</i>
Quỹ dự trữ điều lệ	414		382.686.493	382.686.493
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		426.206.694	426.206.694
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(16.895.844.487)	(15.446.889.564)
<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>(16.895.844.487)</i>	<i>(15.446.889.564)</i>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>45.965.231.456</b>	<b>46.882.226.425</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
<b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	26b	5.861.940	5.861.940
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		759.760.000	759.760.000
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		759.760.000	759.760.000
TSTC chưa lưu ký tại VSD	012		5.950.000.000	5.950.000.000
<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	27	445.957.320.000	398.778.350.000
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		427.013.440.000	385.501.670.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4		16.117.110.000	3.254.880.000
TSTC chờ thanh toán	021.5		2.826.770.000	10.021.800.000
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>026</b>		<b>13.526.992.268</b>	<b>8.149.678.230</b>
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027		13.526.992.268	8.149.678.230
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	027.1		13.526.992.268	8.149.678.230
<b>Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>030</b>		<b>13.526.992.268</b>	<b>8.149.678.230</b>
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.1		13.476.813.435	8.103.161.665
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	030.2		50.178.833	46.516.565

  
 Nguyễn Hoài Vân  
 Người lập biểu  
 Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

  
 Vũ Thúy Anh  
 Kế toán trưởng



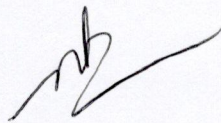
  
 Nguyễn Quốc Hùng  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	30	169.463.472	68.256.000
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ</i>	01.3		169.463.472	68.256.000
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	31	345.983.484	1.494.367.486
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		1.812.502.357	2.347.277.197
Doanh thu tư vấn	08		737.272.727	375.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	10		60.887.868	57.128.602
Thu nhập hoạt động khác	11	32	150.768.898	100.104.647
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -&gt; 11)</b>	<b>20</b>		<b>3.276.878.806</b>	<b>4.442.133.932</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21	33	99.376.663	(374.863.700)
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1		-	175.831.868
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ</i>	21.2		99.376.663	(550.695.568)
Chi phí môi giới chứng khoán	27		1.587.068.281	2.892.977.335
Chi phí tư vấn	29		490.977.530	-
Chi phí lưu ký chứng khoán	31		124.366.309	85.069.765
Chi phí khác	32		500.000	-
<i>Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác</i>	33		500.000	-
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -&gt; 33)</b>	<b>40</b>		<b>2.302.288.783</b>	<b>2.603.183.400</b>
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	34	66.169.290	61.840.066
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>66.169.290</b>	<b>61.840.066</b>
<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
Chi phí lãi vay	52		-	73.486.110
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>		<b>-</b>	<b>73.486.110</b>
<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK</b>				
	62	35	2.489.714.236	2.597.644.289
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)</b>	<b>70</b>		<b>(1.448.954.923)</b>	<b>(770.339.801)</b>

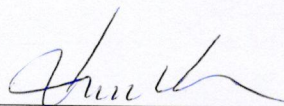
**BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70)</b>	<b>90</b>		<b>(1.448.954.923)</b>	<b>(770.339.801)</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(1.448.954.923)	(770.339.801)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
<b>CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>-</b>	<b>78.403.767</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	36	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	36	-	78.403.767
<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (200=90-100)</b>	<b>200</b>		<b>(1.448.954.923)</b>	<b>(848.743.568)</b>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201		(1.448.954.923)	(848.743.568)
<b>THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	37	(247)	(145)



**Nguyễn Hoài Vân**  
 Người lập biểu

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016



**Vũ Thúy Anh**  
 Kế toán trưởng



**Nguyễn Quốc Hùng**  
 Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	03		(45.861.215)	(253.940.035)
Tiền lãi đã thu	05		99.695.000	-
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		-	(13.541.667)
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(228.600.441)	(287.043.313)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	08		(365.286.249)	(72.485.058)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	10		65.123.187.881	35.258.544.384
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11		(61.454.776.055)	(22.995.581.467)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.128.358.921</b>	<b>11.635.952.844</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các BĐSĐT và các tài sản khác	21		-	(100.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		34.445.673	130.096.066
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>34.445.673</b>	<b>30.096.066</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay gốc	33		-	4.500.000.000
<i>Tiền vay khác</i>	33.2		-	4.500.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(3.500.000.000)
<i>Tiền chi trả gốc nợ vay khác</i>	37		-	(3.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>
<b>Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>3.162.804.594</b>	<b>12.666.048.910</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>				
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>18.553.218.567</b>	<b>3.887.004.974</b>
Trong đó:				
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	61		850.407.089	3.255.039.761
<i>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK</i>	62		850.407.089	3.255.039.761
Các khoản tương đương tiền	63		17.100.000.000	-

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)**

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

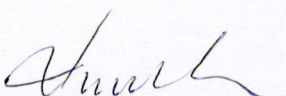
<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>21.716.023.161</b>	<b>16.553.053.884</b>
Trong đó:				
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	71		3.505.268.040	16.153.755.015
<i>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK</i>	72		3.505.268.040	16.153.755.015
Các khoản tương đương tiền	73		17.350.000.000	-

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho KH	01		337.639.865.400	294.169.444.717
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho KH	02		(307.014.760.100)	(280.996.810.741)
Thu tiền từ tài khoản vãng lai của KH	05		23.778.918.450	-
Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	06		(48.973.117.953)	-
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của KH	11		(53.591.759)	(43.957.589)
<b>Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>5.377.314.038</b>	<b>13.128.676.387</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>8.149.678.230</b>	<b>9.424.897.405</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		8.149.678.230	9.424.897.405
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	32		8.149.678.230	9.424.897.405
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40=20+30)</b>	<b>40</b>		<b>13.526.992.268</b>	<b>22.553.573.792</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		13.526.992.268	22.553.573.792
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	42		13.526.992.268	22.553.573.792



**Nguyễn Hoài Vân**  
Người lập biểu  
Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016



**Vũ Thúy Anh**  
Kế toán trưởng

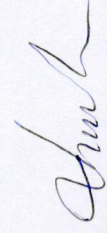
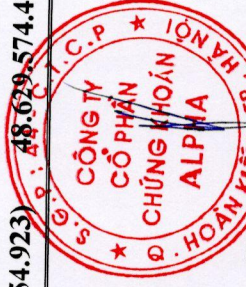


**Nguyễn Quốc Hùng**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phạm Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3933 3666 Fax: (04) 3933 4668Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán  
từ ngày 01 tháng 01 năm 2016  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

Chi tiêu	Số đầu kỳ				Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ			
	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này	
	VND	VND	Tăng	(Giảm)	VND	VND	Tăng	(Giảm)	VND	VND	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	60.399.250.000	60.399.250.000	-	-	-	-	-	-	-	60.399.250.000	60.399.250.000	VND
Vốn pháp định	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000	VND
Vốn bổ sung	23.619.400.000	23.619.400.000	-	-	-	-	-	-	-	23.619.400.000	23.619.400.000	VND
Thặng dư vốn cổ phần	1.779.850.000	1.779.850.000	-	-	-	-	-	-	-	1.779.850.000	1.779.850.000	VND
Quỹ dự trữ điều lệ	382.686.493	382.686.493	-	-	-	-	-	-	-	382.686.493	382.686.493	VND
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	426.206.694	426.206.694	-	-	-	-	-	-	-	426.206.694	426.206.694	VND
Lợi nhuận chưa phân phối	(11.729.825.134)	(15.446.889.564)	-	(848.743.568)	-	-	-	(1.448.954.923)	(12.578.568.702)	(16.895.844.487)	(16.895.844.487)	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	(11.729.825.134)	(15.446.889.564)	-	(848.743.568)	-	-	-	(1.448.954.923)	(12.578.568.702)	(16.895.844.487)	(16.895.844.487)	VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	VND
<b>Cộng</b>	<b>49.478.318.053</b>	<b>45.761.253.623</b>	-	<b>(848.743.568)</b>	-	-	-	<b>(1.448.954.923)</b>	<b>48.629.574.485</b>	<b>44.312.298.700</b>	<b>44.312.298.700</b>	<b>VND</b>


Nguyễn Hoài Vân  
Người lập biểu

Vũ Thủy Anh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### ***Thành lập***

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi lần 01 vào ngày 22 tháng 12 năm 2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21 tháng 08 năm 2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 03 năm 2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính tại số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

#### ***Điều lệ hoạt động***

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 11 tháng 09 năm 2010.

#### ***Quy mô vốn***

Vốn cổ phần của Công ty là 58.619.400.000 đồng.

***Mục tiêu hoạt động:*** hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán; cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu đầu tư vào chứng khoán của nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước; tư vấn tài chính doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến đầu tư; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.

***Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:*** Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

#### ***Hạn chế đầu tư***

Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 “Hạn chế đầu tư” Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán và Khoản 14, Điều 1 Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC.

#### ***Nhân viên***

Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 29 người, trong đó có 18 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 33 người, trong đó có 18 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ**

***Kỳ kế toán***

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 19 tháng 12 năm 2006 (ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

***Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán***

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

***Hình thức kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

***Chế độ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng Chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

***Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán***

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

***Thay đổi chính sách kế toán***

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho kỳ hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán (“Thông tư 210”) thay thế Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính, và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo quy định của thông tư 210/2014/TT-BTC khi so sánh số liệu với báo cáo tài chính kỳ này.

Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng được quản lý tách bạch với tiền của Công ty và được trình bày ở các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng (tài khoản ngoài bảng) của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính**

***Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS***

Tài sản tài chính (TSTC) được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày phát sinh.

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là TSTC không phái sinh với việc thanh toán là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Công ty đã có ý định tích cực và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

**Cho vay và phải thu**

TSTC không phái sinh với việc hoàn trả lại là cố định hay xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

TSTC không phái sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

***Nguyên tắc phân loại nợ tài chính***

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

**Nợ tài chính theo FVTPL**

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định là theo FVTPL. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả. Tiêu chí để chỉ định nợ tài chính theo FVTPL trên ghi nhận ban đầu giống với các tiêu chí tài sản tài chính theo FVTPL.

**Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ**

Các khoản nợ tài chính mà không được phân theo FVTPL thì được phân loại là nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)**

*Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)*

Giá thị trường làm căn cứ đánh giá lại được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Chênh lệch tăng/giảm giữa giá trị tài sản tài chính và giá trị đánh giá lại được hoàn nhập/lập dự phòng. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, Công ty đánh giá tồn thất có khả năng xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay và sẽ trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

***Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)**

**Nguyên tắc dùng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính**

Công ty dùng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản tài chính cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho người nhận tài sản tài chính. Nếu Công ty không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Công ty ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Công ty dùng ghi nhận nợ tài chính khi, và chỉ khi, nghĩa vụ của Công ty đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

**3.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3	-	8	năm
Phương tiện vận tải			5	năm
Tài sản cố định khác	3	-	8	năm
Phần mềm máy tính			5	năm

**3.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**

**Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu về các tài sản tài chính**

Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.4 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn (tiếp theo)**

***Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

**3.5 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

<b><i>Các quỹ</i></b>	<b><i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i></b>	<b><i>Mức trích lập tối đa</i></b>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.7 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập từ hoạt động góp vốn không chắc chắn.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**3.9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)**

**Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

**3.10 Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính riêng về tài sản và nợ phải trả của khách hàng**

Công ty quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của Công ty mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán. Tài sản và nợ phải trả của khách hàng được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng của Công ty (ngoài bảng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Quản trị về rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

*i. Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

*ii. Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

*iii. Rủi ro về giá*

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**3.12 Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**a. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):**

<i>Tài sản FVTPL</i>	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu kỳ</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ</i> <i>VND</i>	<i>Giá trị hợp lý</i> <i>VND</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i> <i>VND</i>	<i>Giá trị hợp lý</i> <i>VND</i>
Chứng khoán thương mại	19.617.799.817	-	19.617.799.817	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.568.770.000	-	15.568.770.000	-
Cổ phiếu niêm yết	4.049.029.817	-	4.049.029.817	-
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.617.799.817</b>	<b>-</b>	<b>19.617.799.817</b>	<b>-</b>

**b. Các khoản cho vay và phải thu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các khoản cho vay	2.175.081.338	5.258.107.435
Các khoản phải thu	597.934.913	1.828.092.778
<b>Cộng</b>	<b>2.773.016.251</b>	<b>7.086.200.213</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**BẢNG TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

TT	Các loại tài sản tài chính	30/06/2016				01/01/2016						
		Giá trị mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá trị mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND		
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)	
<b>FVTPL</b>		<b>19.617.799.817</b>	<b>16.077.810.300</b>	<b>330.000</b>	<b>3.539.989.517</b>	<b>16.078.140.300</b>	<b>19.617.799.817</b>	<b>16.176.846.300</b>	<b>352.000</b>	<b>3.441.305.517</b>	<b>16.176.846.300</b>	<b>16.176.846.300</b>
<i>Cổ phiếu</i>		<i>19.617.799.817</i>	<i>16.077.810.300</i>	<i>330.000</i>	<i>3.539.989.517</i>	<i>16.078.140.300</i>	<i>19.617.799.817</i>	<i>16.176.846.300</i>	<i>352.000</i>	<i>3.441.305.517</i>	<i>16.176.846.300</i>	<i>16.176.846.300</i>
ANV		4.047.374.172	508.128.000	-	3.539.246.172	508.128.000	4.047.374.172	606.720.000	-	3.440.654.172	606.720.000	606.720.000
NBC		1.313.617	675.800	-	637.817	675.800	1.313.617	784.800	-	528.817	784.800	784.800
VCB		342.028	236.500	-	105.528	236.500	342.028	219.500	-	122.528	219.500	219.500
PVC		-	-	330.000	-	330.000	-	352.000	352.000	-	352.000	352.000
Công ty Cổ phần bia và nước giải khát Việt Hà		15.568.770.000	15.568.770.000	-	-	15.568.770.000	15.568.770.000	15.568.770.000	-	-	15.568.770.000	15.568.770.000
<b>HTM</b>												
<b>Các khoản cho vay và phải thu</b>		<b>2.773.016.251</b>	<b>2.321.977.588</b>	<b>-</b>	<b>451.038.663</b>	<b>2.321.977.588</b>	<b>7.051.742.435</b>	<b>6.601.396.435</b>	<b>-</b>	<b>450.346.000</b>	<b>6.601.396.435</b>	<b>6.601.396.435</b>
<i>Các khoản cho vay</i>		<i>2.175.081.338</i>	<i>2.175.081.338</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.175.081.338</i>	<i>5.258.107.435</i>	<i>5.258.107.435</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>5.258.107.435</i>	<i>5.258.107.435</i>
Margin		309.000.000	309.000.000	-	-	309.000.000	3.164.000.000	3.164.000.000	-	-	3.164.000.000	3.164.000.000
Ứng trước tiền bán chứng khoán		1.866.081.338	1.866.081.338	-	-	1.866.081.338	2.094.107.435	2.094.107.435	-	-	2.094.107.435	2.094.107.435
<i>Các khoản phải thu</i>		<i>597.934.913</i>	<i>146.896.250</i>	<i>-</i>	<i>451.038.663</i>	<i>146.896.250</i>	<i>1.793.635.000</i>	<i>1.343.289.000</i>	<i>-</i>	<i>450.346.000</i>	<i>1.343.289.000</i>	<i>1.343.289.000</i>
Phải thu bán các tài sản tài chính		554.138.663	103.100.000	-	451.038.663	103.100.000	1.793.635.000	1.343.289.000	-	450.346.000	1.343.289.000	1.343.289.000
Phải thu có tức, tiền lãi đến ngày nhận		43.796.250	43.796.250	-	-	43.796.250	-	-	-	-	-	-
<b>AFS</b>												
<b>Cộng</b>		<b>22.390.816.068</b>	<b>18.399.787.888</b>	<b>330.000</b>	<b>3.991.028.180</b>	<b>18.400.117.888</b>	<b>26.669.542.252</b>	<b>22.778.242.735</b>	<b>352.000</b>	<b>3.891.651.517</b>	<b>22.778.242.735</b>	<b>22.778.242.735</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**TÌNH HÌNH LẬP DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng kỳ này						Mức trích lập hoặc (hoàn nhập) kỳ này
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán VND	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC VND	Giá trị lập dự phòng kỳ này VND	Giá trị lập dự phòng kỳ trước VND	Giá trị lập dự phòng kỳ trước VND	
A	B	1	2	3	4	5	6	
<b>I</b>	<b>TSTC FVTPL</b>	<b>670.954</b>	<b>19.617.799.817</b>	<b>16.077.810.300</b>	<b>3.539.989.517</b>	<b>3.441.305.517</b>	<b>98.684.000</b>	
1	ANV	75.840	4.047.374.172	508.128.000	3.539.246.172	3.440.654.172	98.592.000	
2	NBC	109	1.313.617	675.800	637.817	528.817	109.000	
3	VCB	5	342.028	236.500	105.528	122.528	(17.000)	
4	Công ty Cổ phần bia và nước giải khát Việt Hà (*)	595.000	15.568.770.000	15.568.770.000	-	-	-	
<b>II</b>	<b>TSTC HTM</b>	-	-	-	-	-	-	
<b>III</b>	<b>TSTC cho vay</b>	-	<b>2.773.016.251</b>	<b>2.321.977.588</b>	<b>451.038.663</b>	<b>450.346.000</b>	<b>692.663</b>	
1	Margin	-	309.000.000	309.000.000	-	-	-	
2	Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	1.866.081.338	1.866.081.338	-	-	-	
3	Phải thu bán các tài sản tài chính	-	554.138.663	103.100.000	451.038.663	450.346.000	692.663	
4	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	-	43.796.250	43.796.250	-	-	-	
<b>IV</b>	<b>TSTC AFS</b>	-	-	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>		<b>670.954</b>	<b>22.390.816.068</b>	<b>18.399.787.888</b>	<b>3.991.028.180</b>	<b>3.891.651.517</b>	<b>99.376.663</b>	

(\*) Khoản đầu tư chiếm 35,13% vốn chủ sở hữu thuần tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2016. Công ty đang tìm đối tác nhận chuyển nhượng khoản đầu tư để giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức quy định. Công ty chưa lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 một cách đáng tin cậy.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**9. CÁC KHOẢN CHO VAY**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Hoạt động margin</b>	<b>309.000.000</b>	<b>3.164.000.000</b>
Doãn Duy Sơn	309.000.000	190.000.000
Lê Thị Lan	-	530.000.000
Vũ Văn Hiệp	-	1.096.000.000
Đặng Thị Vân Hòa	-	659.000.000
Khách hàng khác	-	689.000.000
<b>Ứng trước tiền bán chứng khoán</b>	<b>1.866.081.338</b>	<b>2.094.107.435</b>
Thái Duy Hiền	-	298.600.071
Phan Tuấn Anh	-	423.983.291
Vũ Văn Hiệp	-	319.448.132
Nguyễn Kim Chi	-	229.471.000
Trương Việt Hưng	-	207.494.929
Mai Thị Dung	567.867.706	-
Nguyễn Quốc Hùng	300.364.410	-
Nguyễn Thị Hoa	611.976.464	-
Khách hàng khác	385.872.758	615.110.012
<b>Cộng</b>	<b>2.175.081.338</b>	<b>5.258.107.435</b>

**10. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

**a. Các khoản phải thu bán các TSTC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Hà Huy Hoàng	315.220.000	315.220.000
Trần Văn Cường	238.918.663	1.097.450.000
Nguyễn Thúy Huệ	-	380.965.000
<b>Cộng</b>	<b>554.138.663</b>	<b>1.793.635.000</b>
<i>Trong đó: Đã lập dự phòng</i>	<i>451.038.663</i>	<i>450.346.000</i>

Các khoản phải thu bán các TSTC là các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**10. CÁC KHOẢN PHẢI THU** (tiếp theo)

**b. Các khoản phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	43.796.250	34.457.778
<b>Cộng</b>	<b>43.796.250</b>	<b>34.457.778</b>

**11. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY ĐÃ CUNG CẤP**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Phải thu hoạt động tư vấn tài chính</b>	<b>42.100.000</b>	<b>35.500.000</b>
Công ty Cổ phần Vàng Châu Á (*)	16.500.000	16.500.000
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (*)	15.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước (*)	4.000.000	4.000.000
Công ty TNHH In tài chính	6.600.000	-
<b>Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư</b>	<b>8.825.052</b>	<b>8.570.349</b>
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	8.825.052	8.570.349
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.925.052</b>	<b>44.070.349</b>

(\*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 13.

**12. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Nha khoa Bắc Nam (*)	115.936.476	115.936.476
Thuế TNDN nộp thừa	20.868.435	20.868.435
Ứng trước cho người bán	48.500.000	33.927.000
Phải thu khác	70.943.019	48.255.686
<b>Tổng cộng</b>	<b>256.247.930</b>	<b>218.987.597</b>

(\*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 13.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**

Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phạm Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm,  
Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3933 3666

Fax: (04) 3933 4668

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán  
từ ngày 01 tháng 01 năm 2016  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**3. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

<b>STT</b>	<b>Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng</b>	<b>Giá trị phải thu khó đòi</b>		<b>Số trích lập trong kỳ</b>		<b>Số hoàn nhập trong kỳ</b>		<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu kỳ</b>	
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>1</b>	<b>Các khoản phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp</b>	<b>35.500.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>35.500.000</b>	<b>31.500.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Công ty Cổ phần Vàng Châu Á	16.500.000	-	-	-	-	-	16.500.000	16.500.000	-	-
	Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	15.000.000	-	-	-	-	-	15.000.000	15.000.000	-	-
	Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-	4.000.000	-	-	-
<b>2</b>	<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>115.936.476</b>	<b>34.780.943</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>115.936.476</b>	<b>81.155.533</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Công ty Cổ phần Nha khoa Bắc Nam	115.936.476	34.780.943	-	-	-	-	115.936.476	81.155.533	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>151.436.476</b>	<b>38.780.943</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>151.436.476</b>	<b>112.655.533</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
- Chi phí thường niên và quản lý thành viên	229.000.010	-
- Chi phí đường truyền	37.500.000	-
- Chi phí tư vấn phát hành chứng khoán	30.600.000	30.600.000
- Chi phí chờ phân bổ khác	3.400.000	3.400.000
<b>Cộng</b>	<b>300.500.010</b>	<b>34.000.000</b>
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Thiết bị, dụng cụ chờ phân bổ	36.654.622	42.881.632
<b>Cộng</b>	<b>36.654.622</b>	<b>42.881.632</b>

**15. CẢM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng HCM	76.342.130	76.342.130
Đặt cọc thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>86.342.130</b>	<b>86.342.130</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Số cuối kỳ	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số đầu kỳ	3.929.248.136	820.737.000	1.501.319.321	6.251.304.457
Khấu hao trong kỳ	50.581.259	-	6.588.642	57.169.901
Số cuối kỳ	3.979.829.395	820.737.000	1.507.907.963	6.308.474.358
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	151.160.736	-	30.753.642	181.914.378
Số cuối kỳ	100.579.477	-	24.165.000	124.744.477
<i>Trong đó:</i>				
Hết khấu hao đang sử dụng (NG)	3.271.763.055	820.737.000	1.426.654.622	5.519.154.677

**17. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	1.485.162.000	1.485.162.000
Số cuối kỳ	1.485.162.000	1.485.162.000
<b>Hao mòn lũy kế</b>		
Số đầu kỳ	1.324.006.088	1.324.006.088
Khấu hao trong kỳ	26.822.583	26.822.583
Số cuối kỳ	1.350.828.671	1.350.828.671
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	161.155.912	161.155.912
Số cuối kỳ	134.333.329	134.333.329

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.167.662.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	3.059.838.195	3.059.838.195
<b>Cộng</b>	<b>3.059.838.195</b>	<b>3.059.838.195</b>

**19. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.195.119.898	1.149.258.683
Tiền lãi phân bổ trong năm	636.151.240	530.866.002
<b>Cộng</b>	<b>1.951.271.138</b>	<b>1.800.124.685</b>

**20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Sở giao dịch chứng khoán - phí giao dịch	49.000.000	-
Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) - phí lưu ký	19.206.405	-
<b>Cộng</b>	<b>68.206.405</b>	<b>-</b>

**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin NH Tài chính FPT	24.000.000	24.000.000
Viện Hóa học Công Nghiệp	-	339.519.097
<b>Cộng</b>	<b>24.000.000</b>	<b>363.519.097</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	32.000.000	41.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 13	165.000.000	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	20.000.000	20.000.000
Công ty Cổ phần Trí Việt	30.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	65.000.000	65.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Nari Hamico	13.750.000	13.750.000
Nhà xuất bản Giáo dục VN	-	110.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông-CTCP	250.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	125.000.000	-
Công ty Cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài	30.000.000	-
Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Công trình	44.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>774.750.000</b>	<b>279.750.000</b>

**23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	31.596.625	15.031.615
Thuế thu nhập cá nhân	132.957.619	115.409.486
<b>Cộng</b>	<b>164.554.244</b>	<b>130.441.101</b>

**24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Lãi trả nhà đầu tư	16.554.092	10.255.934
Chi phí hoạt động	450.303.246	193.063.695
<b>Cộng</b>	<b>466.857.338</b>	<b>203.319.629</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Thuế Thu nhập cá nhân phải nộp hộ nhà đầu tư	90.975.647	90.975.647
Các khoản phải trả, phải nộp khác	38.596.998	25.975.204
<b>Cộng</b>	<b>129.572.645</b>	<b>116.950.851</b>

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i> <i>(%)</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Công ty TNHH CNTT và TT Tân Thanh Hoa	1,96	1.150.000.000	1.150.000.000
Ông Lê Thành Trung	9,81	5.750.000.000	5.750.000.000
Bà Vũ Thúy Anh	9,26	5.428.000.000	5.428.000.000
Cổ đông khác	78,97	46.291.400.000	46.291.400.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>58.619.400.000</b>	<b>58.619.400.000</b>

**b. Cổ phiếu**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.861.940	5.861.940
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	427.013.440.000	385.501.670.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	16.117.110.000	3.254.880.000
<i>Tài sản tài chính tạm ngừng giao dịch</i>	<i>2.779.500.000</i>	<i>2.769.500.000</i>
<i>Tài sản tài chính chờ giao dịch</i>	<i>13.337.610.000</i>	<i>485.380.000</i>
Tài sản tài chính chờ thanh toán	2.826.770.000	10.021.800.000
<b>Cộng</b>	<b>445.957.320.000</b>	<b>398.778.350.000</b>

Giá trị tài sản tài chính được phản ánh theo mệnh giá.

**28. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Phí lưu ký chứng khoán	8.825.052	8.570.349
<b>Cộng</b>	<b>8.825.052</b>	<b>8.570.349</b>

**29. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Phải trả gốc margin	309.000.000	3.164.000.000
<i>Phải trả gốc margin của NĐT trong nước</i>	<i>309.000.000</i>	<i>3.164.000.000</i>
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.866.081.338	2.094.107.435
<i>Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của NĐT trong nước</i>	<i>1.866.081.338</i>	<i>2.094.107.435</i>
<b>Cộng</b>	<b>2.175.081.338</b>	<b>5.258.107.435</b>

**30. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TSTC FVTPL**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	169.463.472	-
Cổ tức	-	68.256.000
<b>Cộng</b>	<b>169.463.472</b>	<b>68.256.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**31. LÃI TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Tiền lãi gốc cho vay hoạt động margin	198.260.528	998.843.840
Tiền lãi gốc cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	147.722.956	495.523.646
<b>Cộng</b>	<b>345.983.484</b>	<b>1.494.367.486</b>

**32. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Doanh thu hoạt động quản lý sở cổ đông	30.363.636	32.727.272
Lãi được phân bổ Quỹ hỗ trợ thanh toán	105.285.238	-
Thu nhập khác	15.120.024	67.377.375
<b>Cộng</b>	<b>150.768.898</b>	<b>100.104.647</b>

**33. LỖ CÁC TSTC GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Lỗ bán các TSTC FVTPL	-	175.831.868
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	99.376.663	(550.695.568)
<i>Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá TSTC</i>	<i>99.376.663</i>	<i>(550.695.568)</i>
<b>Cộng</b>	<b>99.376.663</b>	<b>(374.863.700)</b>

**34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Lãi tiền gửi không có định	66.169.290	61.840.066
<b>Cộng</b>	<b>66.169.290</b>	<b>61.840.066</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**35. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản phúc lợi)	1.419.805.811	1.564.609.586
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	161.880.000	139.234.466
Chi phí văn phòng phẩm	45.977.000	22.610.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	23.970.139	16.648.180
Chi phí khấu hao TSCĐ	21.500.268	35.016.717
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	6.000.000
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	38.780.943	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	571.945.463	470.890.527
Chi phí khác	202.854.612	342.634.813
<b>Cộng</b>	<b>2.489.714.236</b>	<b>2.597.644.289</b>

**36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

**a. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**a. Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán (1)	(1.448.954.923)	(770.339.801)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	18.449.348	103.028.150
Các khoản điều chỉnh (giảm) (3)	-	(68.256.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) + (3)	(1.430.505.575)	(735.567.651)
Chuyển lỗ năm trước (5)	-	-
Thu nhập tính thuế (6)	-	-
Thuế suất (7)	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)</b>	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(20.868.435)	(20.868.435)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>(20.868.435)</b>	<b>(20.868.435)</b>

**b. Tình hình quyết toán thuế TNDN**

Từ khi thành lập đến nay, cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán thuế TNDN của Công ty.

**c. Chuyển lỗ**

Theo luật thuế hiện hành, các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau trong vòng 5 năm kể từ khi phát sinh để bù trừ với lợi nhuận thu được.

<i>Năm phát sinh -</i> <i>năm hết hạn</i>	<i>Số lỗ phát sinh</i> <i>VND</i>	<i>Số lỗ đã chuyển/hết hạn</i> <i>VND</i>	<i>Lỗ còn được chuyển</i> <i>VND</i>
2010 - 2015	811.837.793	811.837.793	-
2011 - 2016	10.072.196.986	902.322.477	9.169.874.509
2012 - 2017	6.129.316.466	-	6.129.316.466
2013 - 2018	3.825.114.283	-	3.825.114.283
2015 - 2020	2.617.558.759	-	2.617.558.759
<b>Cộng</b>	<b>23.456.024.287</b>	<b>1.714.160.270</b>	<b>21.741.864.017</b>

Với số lỗ lũy kế được chuyển ở trên, Công ty ước tính có thể tạo ra khoản lợi nhuận là 15.229.190.975 đồng để bù đắp, vậy nên Công ty đã ghi nhận tài sản thuế hoãn lại 3.059.838.195 đồng tương ứng với khoản lợi nhuận trong tương lai này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** (tiếp theo)  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**d. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (“tài sản thuế TNHL”)**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
<b>Số dư đầu kỳ (1)</b>	<b>3.059.838.195</b>	<b>4.050.378.341</b>
<b>Tài sản thuế TNHL phát sinh trong kỳ (2) = (3)+(4)</b>	-	-
<i>Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai (3)</i>	-	147.113.530
<i>Khoản hoàn nhập tài sản thuế TNHL đã được ghi nhận từ các năm trước (4)</i>	-	(225.517.297)
<b>Số dư cuối kỳ (5) = (1) + (2)</b>	<b>3.059.838.195</b>	<b>3.971.974.574</b>

**37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)</b>	<b>(1.448.954.923)</b>	<b>(848.743.568)</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)</i>	-	-
<b>Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)</b>	<b>(1.448.954.923)</b>	<b>(848.743.568)</b>
<i>Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)</i>	5.861.940	5.861.940
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)</b>	<b>(247)</b>	<b>(145)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA**  
 Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phần Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm,  
 Thành phố Hà Nội  
 Điện thoại: (04) 3933 3666 Fax: (04) 3933 4668

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán  
 từ ngày 01 tháng 01 năm 2016  
 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.716.023.161	-	18.553.218.567	-	21.716.023.161	18.553.218.567
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19.617.799.817	3.539.989.517	19.617.799.817	3.441.305.517	16.077.810.300	16.176.494.300
Các khoản cho vay	2.175.081.338	-	5.258.107.435	-	2.175.081.338	5.258.107.435
Các khoản phải thu ngắn hạn	597.934.913	451.038.663	1.828.092.778	450.346.000	146.896.250	1.377.746.778
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	50.925.052	35.500.000	44.070.349	31.500.000	15.425.052	12.570.349
Phải thu khác	256.247.930	115.936.476	218.987.597	81.155.533	140.311.454	137.832.064
<b>Cộng</b>	<b>44.414.012.211</b>	<b>4.142.464.656</b>	<b>45.520.276.543</b>	<b>4.004.307.050</b>	<b>40.271.547.555</b>	<b>41.515.969.493</b>
<b>Nợ tài chính</b>						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	68.206.405	-	-	-	68.206.405	-
Phải trả người bán ngắn hạn	24.000.000	-	363.519.097	-	24.000.000	363.519.097
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	774.750.000	-	279.750.000	-	774.750.000	279.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	164.554.244	-	130.441.101	-	164.554.244	130.441.101
Chi phí phải trả ngắn hạn	466.857.338	-	203.319.629	-	466.857.338	203.319.629
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	2.000.000	-	-	2.000.000
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	129.572.645	-	116.950.851	-	129.572.645	116.950.851
<b>Cộng</b>	<b>1.627.940.632</b>	<b>-</b>	<b>1.095.980.678</b>	<b>-</b>	<b>1.627.940.632</b>	<b>1.095.980.678</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**38. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường.

**39. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH**

**a. Rủi ro thị trường**

Rủi ro tiền tệ: Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán. Công ty không chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay do không có phát sinh các khoản vay.

Rủi ro về giá: Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**b. Rủi ro tín dụng**

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên báo cáo tình hình tài chính riêng. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, các khoản cho vay, các khoản phải thu khác.

**c. Rủi ro thanh khoản**

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**39. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

<i>Nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Đầu kỳ</b>				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	363.519.097	-	-	363.519.097
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	279.750.000	-	-	279.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	130.441.101	-	-	130.441.101
Chi phí phải trả ngắn hạn	203.319.629	-	-	203.319.629
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.000.000	-	-	2.000.000
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	116.950.851	-	-	116.950.851
<b>Cuối kỳ</b>				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	68.206.405	-	-	68.206.405
Phải trả người bán ngắn hạn	24.000.000	-	-	24.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	774.750.000	-	-	774.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	164.554.244	-	-	164.554.244
Chi phí phải trả ngắn hạn	466.857.338	-	-	466.857.338
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	129.572.645	-	-	129.572.645

**d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá**

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i>	<i>Giảm giá</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19.617.799.817	-	3.539.989.517
Các khoản phải thu ngắn hạn	597.934.913	238.918.663	212.120.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	50.925.052	35.500.000	-
Phải thu khác	256.247.930	115.936.476	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

**40. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Lương và các quyền lợi gộp khác của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	619.115.000	734.518.478

**41. THÔNG TIN SO SÁNH**

Thông tin so sánh là các thông tin trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) và được trình bày lại cho phù hợp với thông tin trình bày cuối kỳ.

**42. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>		
- Tài sản dài hạn/ Tổng Tài sản (%)	11,55%	11,19%
- Tài sản cố định/ Tổng Tài sản (%)	0,56%	0,73%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	88,45%	88,81%
<b>2. Tình hình tài chính</b>		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	3,60%	2,39%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (lần)	25,01 lần	34,05 lần
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu) (%)	0,58%	0,75%
- Khả năng thanh toán ngắn hạn (lần)	24,60 lần	37,14 lần
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	13,14 lần	16,55 lần


**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016

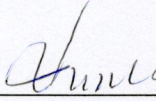
**42. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
<b>Tỷ suất sinh lợi</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	(44,22)%	(19,11)%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	(3,27)%	(1,85)%


**43. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CTCK**

<i>STT</i>	<i>Các chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	10.170.687.820	10.180.564.970
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	1.878.514.861	2.069.365.899
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	7.000.000.000
4	<b>Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)</b>	<b>19.049.202.681</b>	<b>19.249.930.869</b>
5	<b>Vốn khả dụng</b>	<b>39.152.051.503</b>	<b>40.903.247.452</b>
6	<b>Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)</b>	<b>205,53%</b>	<b>212,49%</b>

  
Nguyễn Hoài Vân  
Người lập biểu

  
Vũ Thúy Anh  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Quốc Hùng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016